

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-5-2023
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Quang.

Bà Nguyễn Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1990 (*Xin vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã V, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Kim Thị D, sinh năm 1989 (*Xin vắng mặt*).

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Ông Ngô Văn T và bà Kim Thị D có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2009, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống, lúc đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay cự cãi và ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên ông Ngô Văn T yêu cầu ly hôn với bà Kim Thị D.

- Về nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung.

Ngô Thị Cẩm T1, sinh ngày 23/8/2009 (nữ).

Ngô Thị Kim C, sinh ngày 01/9/2013 (nữ).

Khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 28 tháng 4 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Kim Thị D trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Kim Thị D và ông Ngô Văn T kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2009, hôn nhân có tổ chức đám cưới gã theo phong tục của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ng, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra nên ly thân từ năm 2017 đến nay, bà D đồng ý ly hôn với ông Ngô Văn T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung.

Ngô Thị Cẩm T1, sinh ngày 23/8/2009.

Ngô Thị Kim C, sinh ngày 01/9/2013.

Khi ly hôn, hai người con theo mẹ. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Ông Ngô Văn T yêu cầu ly hôn với Kim Thị D, bà D yêu cầu nuôi con, ngoài ra các đương sự không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bà D địa chỉ cư trú tại khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Ông Ngô Văn T và Kim Thị D có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì đang làm việc ở xa, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của ông T và bà D chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Ông Ngô Văn T và Kim Thị D có thời gian tìm hiểu và kết hôn vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Ng, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 207, quyển số 01/2009 ngày 23/9/2009. Vì vậy, quan hệ của Ông Ngô Văn T và Kim Thị D được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đỉnh điểm là vào năm 2017, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với và D, bà D đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Văn T và Kim Thị D.

- Về nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung.

Ngô Thị Cẩm T1, sinh ngày 23/8/2009 (nữ).

Ngô Thị Kim C, sinh ngày 01/9/2013 (nữ).

Hiện nay, hai người con đang chung sống với bà D. Khi ly hôn, ông T cho rằng con theo ai thì người đó nuôi, bà D yêu cầu nuôi hết hai người con qua làm việc các cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi hai đương sự sống ly thân cho đến nay, cháu T1 và cháu C sống với bà D, có cuộc sống ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao cháu Ngô Thị Cẩm T1 và Ngô Thị Kim C cho bà Kim Thị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ*

giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Do các đương sự thuận tình ly hôn nên các bên đương sự chịu 50% án phí, ông T và bà D mỗi người chịu 150.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông T được xem xét tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Văn T với bà Kim Thị D.

- Về nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung.

Ngô Thị Cẩm T1, sinh ngày 23/8/2009 (nữ).

Ngô Thị Kim C, sinh ngày 01/9/2013 (nữ).

Hiện nay, hai người con đang chung sống với bà D. Khi ly hôn, giao hết hai người con cho bà Kim Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Các bên đương sự chịu 50%, ông Ngô Văn T và bà Kim Thị D mỗi người chịu 150.000 đồng.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, ông Ngô Văn T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền 0016046 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, sau khi đối trừ ông T được nhận lại 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền